

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ VẬN TẢI TRẦN GIA
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ VẬN TẢI TRẦN GIA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRAN GIA TRANSPORT AND CONSTRUCTION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: TRAN GIA TRANSPORT AND CONSTRUCTION CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0108366088

3. Ngày thành lập: 18/07/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Khu 2, xóm 5, Xã Văn Khê, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
2.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống) (trừ đấu giá)	4512
3.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4530
4.	Bán mô tô, xe máy Chi tiết: Bán buôn mô tô, xe máy Bán lẻ mô tô, xe máy Đại lý mô tô, xe máy	4541
5.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Chi tiết: Bán buôn các loại phụ tùng, bộ phận, linh kiện rời của mô tô, xe máy như: sảm, lốp, cốc, yếm xe, ắc quy, bugi, đèn, các phụ tùng điện	4543
6.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641

7.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường	4659
8.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
9.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
10.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
11.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
12.	Bốc xếp hàng hóa	5224
13.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
14.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
15.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
16.	Sản xuất rượu vang	1102
17.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
18.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
19.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
20.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
21.	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại	3822
22.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
23.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
24.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410

25.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
26.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
27.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
28.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
29.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
30.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
31.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
32.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
33.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
34.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
35.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
36.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
37.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
38.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
39.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
40.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
41.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
42.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
43.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
44.	Thu gom rác thải độc hại	3812
45.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
46.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
47.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
48.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
49.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
50.	Xây dựng nhà các loại	4100
51.	Xuất bản phần mềm	5820
52.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
53.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
54.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
55.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
56.	Bán buôn gạo	4631
57.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
58.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510

59.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
60.	Đại lý du lịch	7911
61.	Điều hành tua du lịch	7912
62.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
63.	Bán buôn tổng hợp	4690
64.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
65.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
66.	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo	1073
67.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
68.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1321
69.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
70.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
71.	Sản xuất giày dép	1520
72.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
73.	Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
74.	In ấn	1811
75.	Sao chép bản ghi các loại	1820
76.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
77.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
78.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
79.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
80.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Đại lý ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống) Đại lý xe có động cơ khác	4513
81.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý	4610
82.	Cho thuê xe có động cơ	7710
83.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
84.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
85.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính)	7730
86.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
87.	Sản xuất sợi	1311
88.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393

89.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
90.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
91.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
92.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
93.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
94.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
95.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
96.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay, - Giao nhận hàng hóa;	5229
97.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
98.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649
99.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
100.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
101.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại Bán buôn cao su	4669
102.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
103.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
104.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
105.	Quảng cáo	7310
106.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
107.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
108.	Dịch vụ đóng gói	8292
109.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
110.	Lập trình máy vi tính	6201
111.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô	4933(Chính)
112.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0222
113.	Thu nhật sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác	0230

114.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
115.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
116.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
117.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
118.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
119.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
120.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1324
121.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
122.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
123.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
124.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
125.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
126.	Xây dựng công trình công ích	4220
127.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ đầu giá)	4511
128.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
129.	Bán buôn thực phẩm	4632
130.	Bán buôn đồ uống	4633
131.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo	4634
132.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
133.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
134.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
135.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
136.	Sản xuất thảm, chăn đệm	1323
137.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
138.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
139.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
140.	Sản xuất đường	1072
141.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
142.	Sản xuất sản phẩm thuốc lá	1200
143.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
144.	Sản xuất than cốc	1910
145.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế	1920
146.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
147.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
148.	Phá dỡ	4311
149.	Chuẩn bị mặt bằng	4312

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội